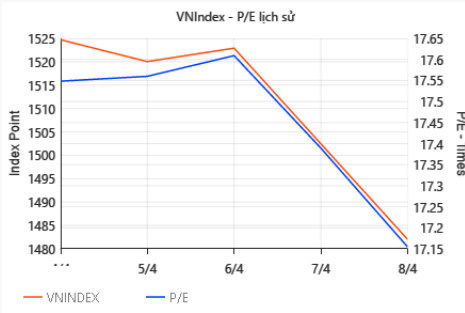


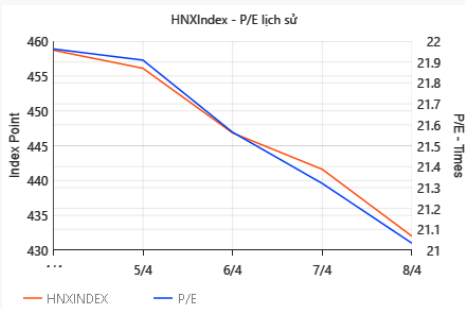


VN-INDEX



Điểm số	1,482.00
Tuần qua (WoW)	-2.27%
Từ đầu năm (YTD)	-1.09%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-6.79%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-1.92%
P/E	17.15
P/B	2.64

HNX -INDEX



Điểm số	432.02
Tuần qua (WoW)	-4.86%
Từ đầu năm (YTD)	-8.85%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-31.93%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-21.77%
P/E	21.03
P/B	2.39

THẬN TRỌNG CƠ CẤU DANH MỤC

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Thông tin đến dồn dập trong 2 tuần qua về các hoạt động làm trong sạch thị trường của chính phủ tiếp tục tác động mạnh tới các nhóm cổ phiếu có liên quan nhưng đồng thời cũng cả rất nhiều cổ phiếu khác do yếu tố tin đồn trên thị trường. Các biện pháp quyết liệt của chính phủ chắc chắn sẽ khiến thanh khoản ảo từ các đội lái tại nhiều cổ phiếu biến mất và nhìn chung với số liệu sụt giảm giao dịch trên 2 sàn tuần vừa qua chúng ta có thể đoán được hoạt động này đang tập trung tại sàn giao dịch nào nhiều hơn. Nhà đầu tư cần thận trọng với hoạt động bắt đáy tại nhiều cổ phiếu giảm sâu đi kèm mất thanh khoản.

Hoạt động siết chặt và thanh lọc thị trường diễn ra đúng vào thời điểm nhạy cảm của chứng khoán Việt Nam cũng như thế giới khi Cục dự trữ liên bang Mỹ dự kiến sẽ tăng lãi suất mạnh hơn đi cùng với đó là lộ trình giảm quy mô bảng cân đối kế toán. Các thị trường tài sản rủi ro thế giới (chứng khoán, tiền số) đã phản ứng với thông tin này và khối ngoại cũng nhanh chóng quay lại bán ròng quy mô lớn sau 1 tuần mua ròng trước đó.

Dự báo và phản ứng theo tin đồn là phương án ngoài khả năng của chúng tôi cũng như rất thiếu cơ sở đối với phần lớn các nhà đầu tư. Tuy nhiên, thời điểm hiện tại cũng đang là giai đoạn có nhiều thông tin từ đại hội và kết quả quý 1, nhà đầu tư nên tập trung sàng lọc, tái cơ cấu danh mục một cách thận trọng, tập trung vào các doanh nghiệp có triển vọng phục hồi và ít nhạy cảm với áp lực tăng lãi suất.

CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Thị trường quay đầu trở lại và chưa thể thoát khỏi trạng thái khó khăn kéo dài. Nếu muốn giao dịch trong tình trạng này, cách làm sẽ trở lại là mua khi giá giảm và tránh mua khi giá đã tăng.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Danh mục Năm giữ & Danh mục Giao dịch: không điều chỉnh trong tuần.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM
Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	31.3%		-6.1%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	32.0%		-6.8%
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%		22.6%	208.3%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	19.8%		-3.5%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	2.0%		30.4%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%		51.8%	282.1%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	7.4%		24.5%
VHM*	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	3.3%		29.3%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%		70.7%	95.8%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%		106.5%	131.7%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%		16.3%	88.1%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		57.3%	176.0%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%		1.9%	162.3%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%		39.9%	77.9%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%		57.3%	103.3%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%		36.3%	124.5%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%		0.4%	22.2%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	8.7%		33.6%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	25,200 - 27,200	45,200	21,100	1:3	-13.6%
TNG	24/08/21	25,060 - 26,450	34,780	23,600	1:3	39.5%
SLS	18/08/21	131,000 - 147,000	212,000	125,000	1:3	6.0%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	47.2%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	32.1%
ABI*	17/06/21	45,614 - 49,123	65,789	42,982	1:2.7	20.3%
VND*	09/06/21	15,100 - 16,100	21,500	14,000	1:2.5	118.0%
DPG*	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	150.6%
GVR	28/05/21	26,300 - 29,500	48,400	23,900	1:3.5	18.1%
BID	28/05/21	36,400 - 38,400	51,600	33,600	1:3	9.1%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	59.6%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	5.6%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	64.0%
SMC*	11/05/21	34,800 - 37,500	50,000	31,000	1:2	5.1%
BCG*	12/04/21	13,200 - 13,600	17,533	12,333	1:3	71.0%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	56.6%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	47.6%
TTF*	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	96.7%
VIC*	26/03/21	96,900 - 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-19.3%
VCB	18/03/21	74,530 - 76,250	97,000	72,700	1:6	8.9%
GEG*	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	42.8%
FCN*	08/03/21	13,700 - 14,700	21,700	13,100	1:4.5	90.8%
PVD*	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	22.0%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	183.9%
GAS*	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	32.0%
CNG*	17/02/21	19,900 - 21,000	29,500	18,600	1:3.5	89.3%
CCL*	17/02/21	10,000 - 11,000	18,000	8,700	1:3	39.5%
SAM*	17/02/21	10,730 - 11,590	21,555	9,770	1:5	56.2%
LAF*	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	61.4%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	62.9%
MSR*	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	43.8%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	160.0%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	123.5%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	228.3%
DRI*	20/10/20	4,430 - 4,930	9,930	3,630	1:4	261.1%

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có một tuần giảm điểm, đặc biệt đã giảm được hình thành và gia tăng mạnh theo từng phiên trong tuần. Cả 2 chỉ số chính đều giảm nhưng sàn HNX với cơ cấu chủ yếu mã vốn hóa vừa và nhỏ lại giảm với biên độ lớn hơn gấp đôi đi cùng với mức sụt giảm rất lớn về thanh khoản.

Cả 3 chỉ số VN-Smallcap, VN-Midcap và HNX-Index đều thuộc nhóm giảm mạnh nhất (gần 5%) tuần qua trong rổ chỉ số so sánh của chúng tôi.

Thị trường được dẫn dắt bởi NVL, HPG và MSN trong tuần để vượt qua lực cản mạnh của DIG, VNM và nhất là BID. Ngoại trừ dầu khí và nhóm tiện ích (thực tế cũng từ cổ phiếu khí là GAS), tất cả các nhóm ngành đều cho thấy mức giảm mạnh trong tuần. Ô tô và Phụ tùng chịu áp lực điều chỉnh mạnh từ TCH, HHS, nhóm Xây dựng là ROS, VGC trong khi Hàng và Dịch vụ công nghiệp là GEX.

Thực tế thì đà điều chỉnh của Việt Nam không phải cá biệt hầu hết các thị trường thế giới trong rổ so sánh của chúng tôi cũng phần lớn giảm điểm khi Cục dự trữ Liên bang Mỹ đã thông báo cụ thể về kế hoạch thu hẹp bảng cân đối kế toán của mình. Vị thế rút ròng của nhà đầu tư nước ngoài đã nhanh chóng quay lại từ mức mua ròng chỉ một tuần trước đó.

VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX có tuần sụt giảm 2.3%, mở cửa tuần cao hơn hẳn so với tham chiếu và xấp xỉ mức cao nhất tuần, đóng cửa tuần thấp hơn hẳn so với mở cửa thấp nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần thấp hơn tuần liền trước và ở mức trung bình.

Về diễn biến cụ thể, VNINDEX có ngày đầu tuần mở cửa khá hưng phấn nhưng sau đó thì biên độ tăng không được nói rộng nhiều và đến khi đóng cửa thì lại thấp hơn mở cửa, khối lượng giao dịch cả ngày thấp cho thấy sự suy yếu rõ ràng của lực mua giá cao. Điều này tiếp tục được chứng minh bằng diễn biến giảm điểm của ngày thứ ba. Và dù thứ tư là một ngày tăng điểm tốt với khối lượng giao dịch tích cực thì có vẻ như từng đó là chưa đủ, VNINDEX chứng kiến hai ngày thứ năm và thứ sáu với mức giảm tương đối và đóng cửa đều thấp hơn hẳn so với mở cửa, đồng thời thấp nhất ngày, dù khối lượng giao dịch đều là không lớn.

Thị trường như vậy chưa thể thoát khỏi xu hướng đi ngang kéo dài và hai phiên giảm liên tiếp cuối tuần dù có biên độ tương đối đáng kể nhưng sự chênh lệch chủ yếu là do lực mua chưa xuất hiện để hỗ trợ chứ không hẳn là do lực bán quá lớn, và vấn đề chỉ là lực mua chờ đợi một vùng giá đủ hấp dẫn.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,430 – 1,450
Kháng cự	1,600 – 1,610

THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG
1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)
Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)
Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

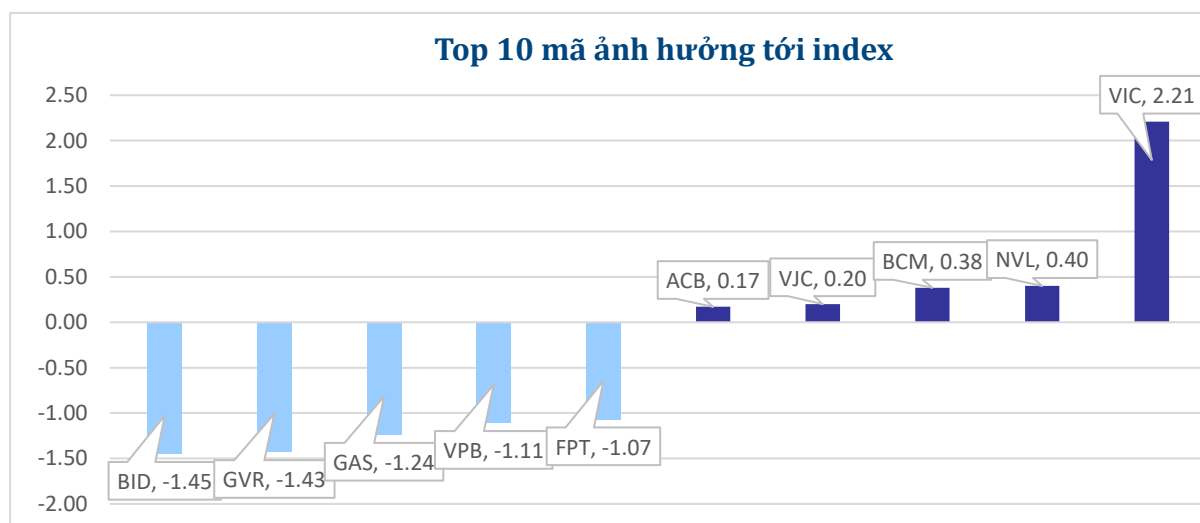
Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA
BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,482.00	-1.35%	-20.35	763.56	23,551.8	92	38	370
Vn30 - Index	1,524.31	-1.14%	-17.65	162.73	8,341.7	5	1	24
Vn - Mid	2,122.92	-2.25%	-48.85	271.79	8,974.9	10	6	54
VN - Small	2,130.62	-2.39%	-52.15	191.86	4,297.0	43	10	171
HNX - Index	432.02	-2.17%	-9.59	84.35	2,659.2	57	45	239
Upcom - Index	113.84	-1.70%	-1.97	98.72	1,456.2	153	64	292

THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN

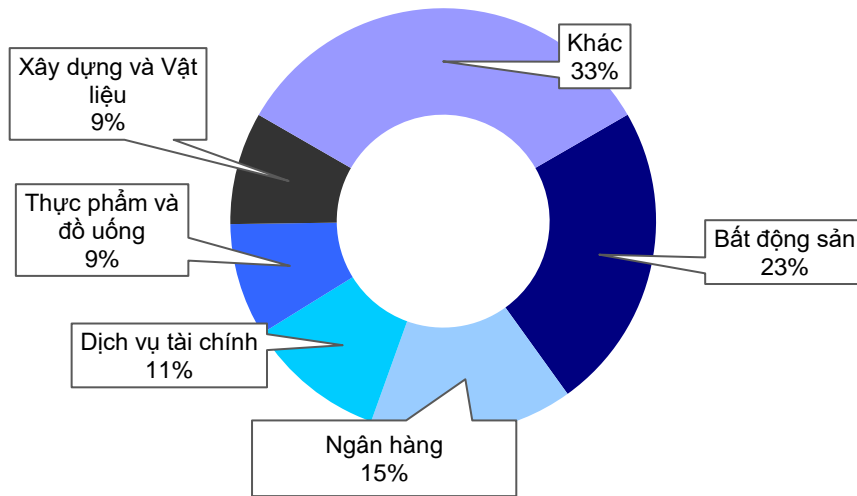
Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	23,551.80	-13.24%	763.56	-3.97%
HNX	2,659.20	-15.72%	84.35	-9.71%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN


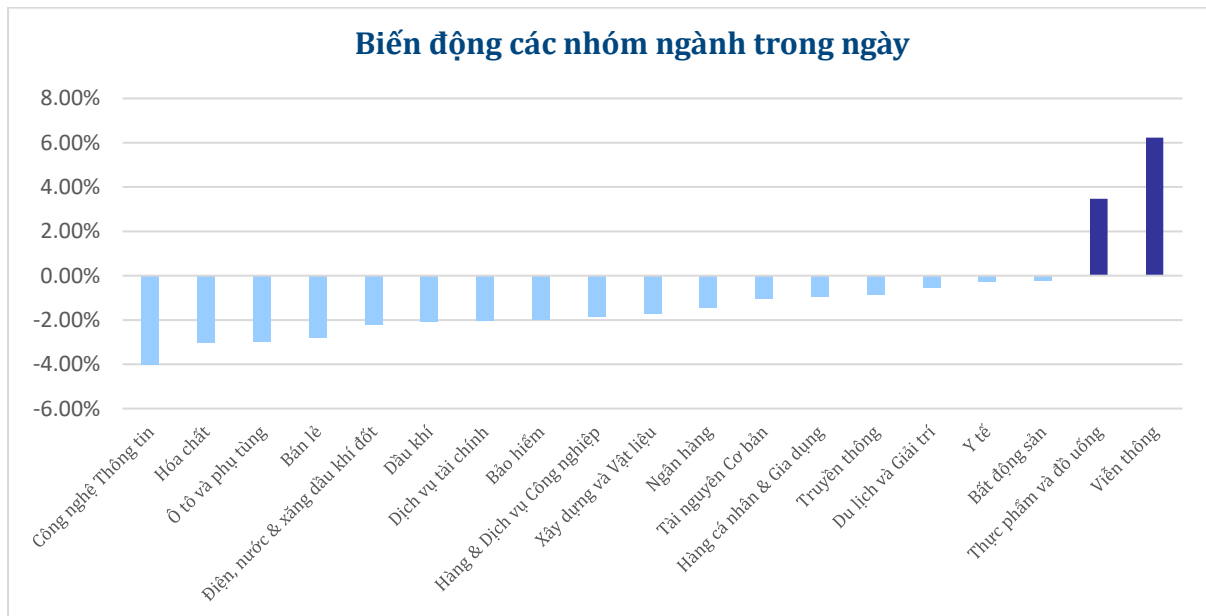
Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Độ biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
HAG	41.77	GEX	1,062.4	HAG	185%	TSC	4.5%	IDC	-10.0%
GEX	30.35	VPB	945.4	KBC	183%	HUT	3.1%	GEX	-7.0%
VPB	23.99	HPG	640.7	TSC	176%	QBS	2.9%	BCG	-7.0%
ROS	20.93	VND	632.5	SHS	171%	VIC	2.8%	FLC	-7.0%
FLC	20.89	STB	588.6	SHB	169%	VHC	1.9%	KBC	-6.9%

NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



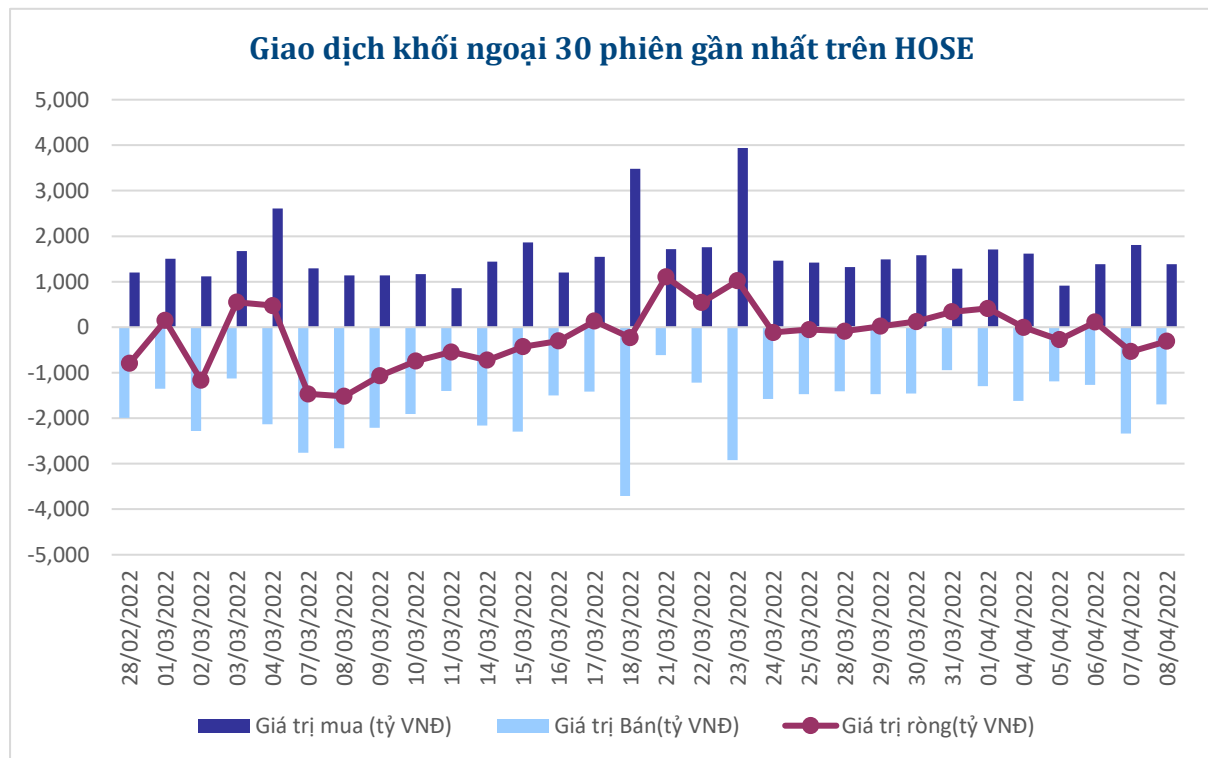
Biến động các nhóm ngành trong ngày



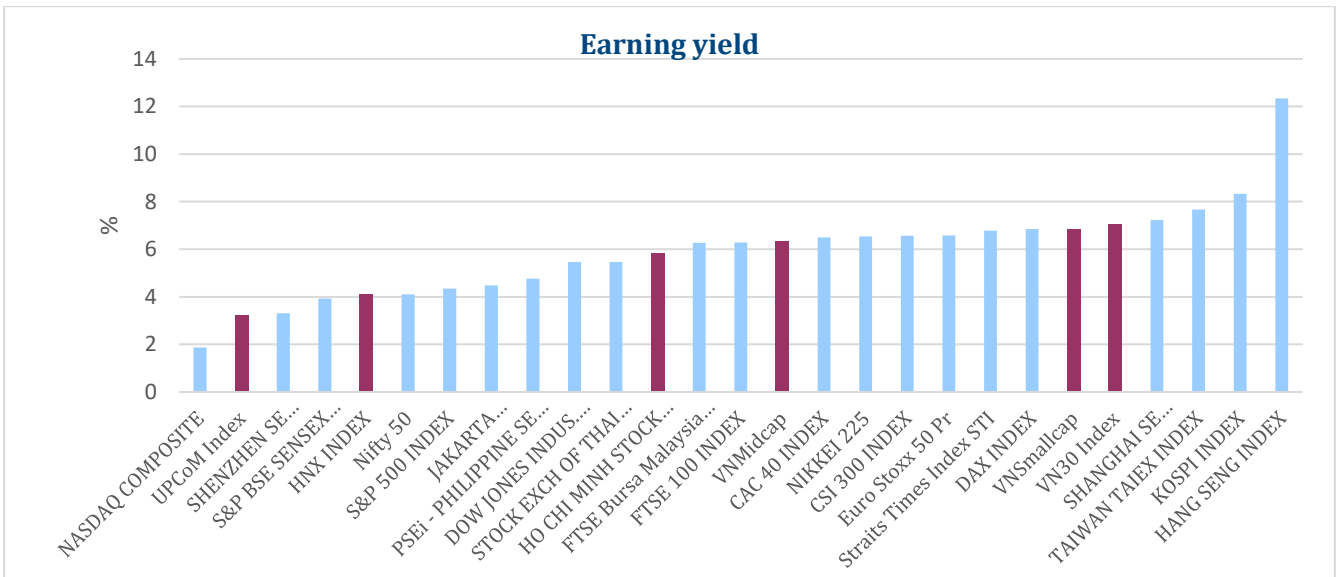
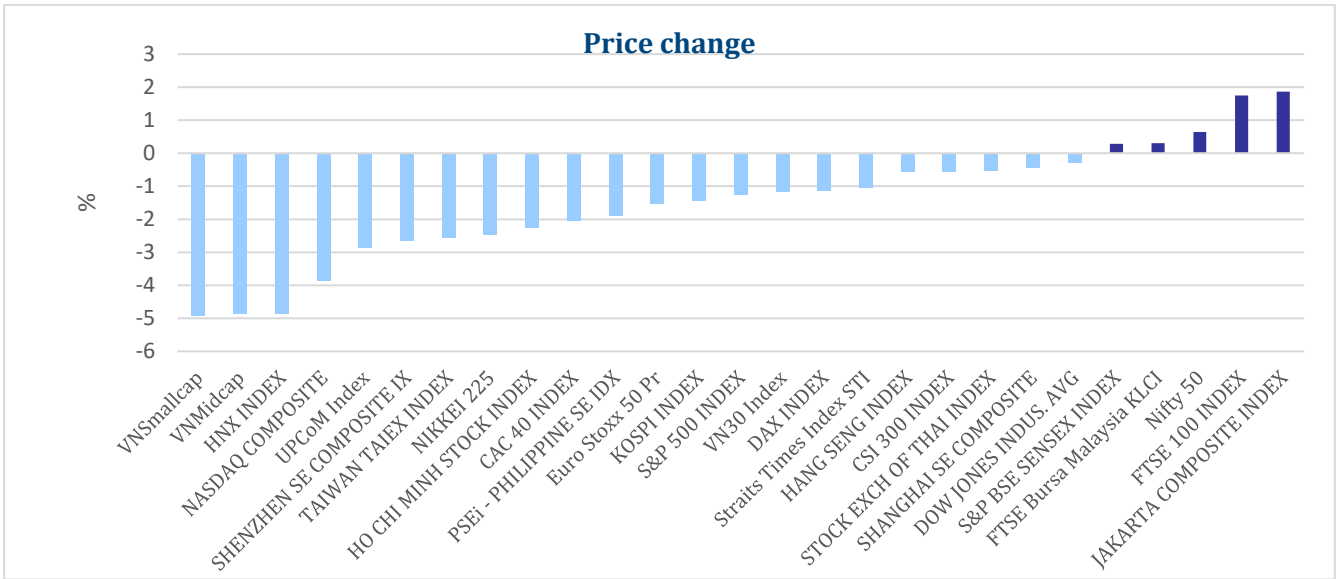
GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE bán ròng 310.37 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 2.21 tỷ đồng.

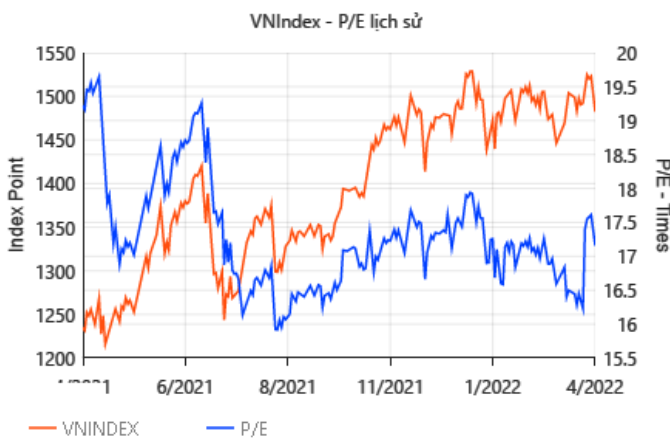
Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
MSN	53.51	VHM	103.02
VIC	30.80	STB	85.20
TPB	24.93	VND	64.02
DGW	23.91	VNM	47.40
NKG	15.59	PVD	39.88



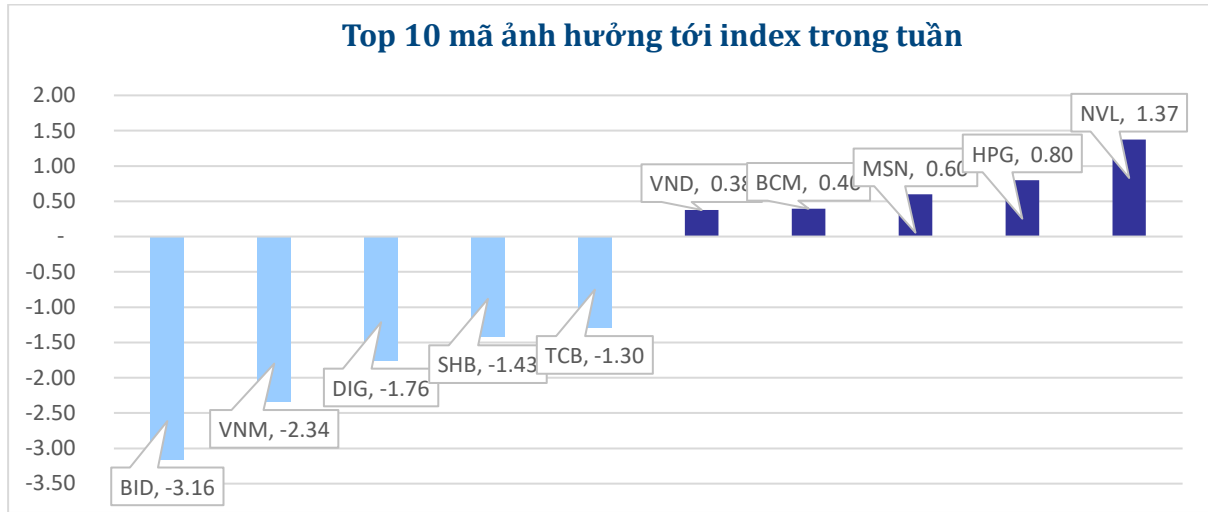
BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN



ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)

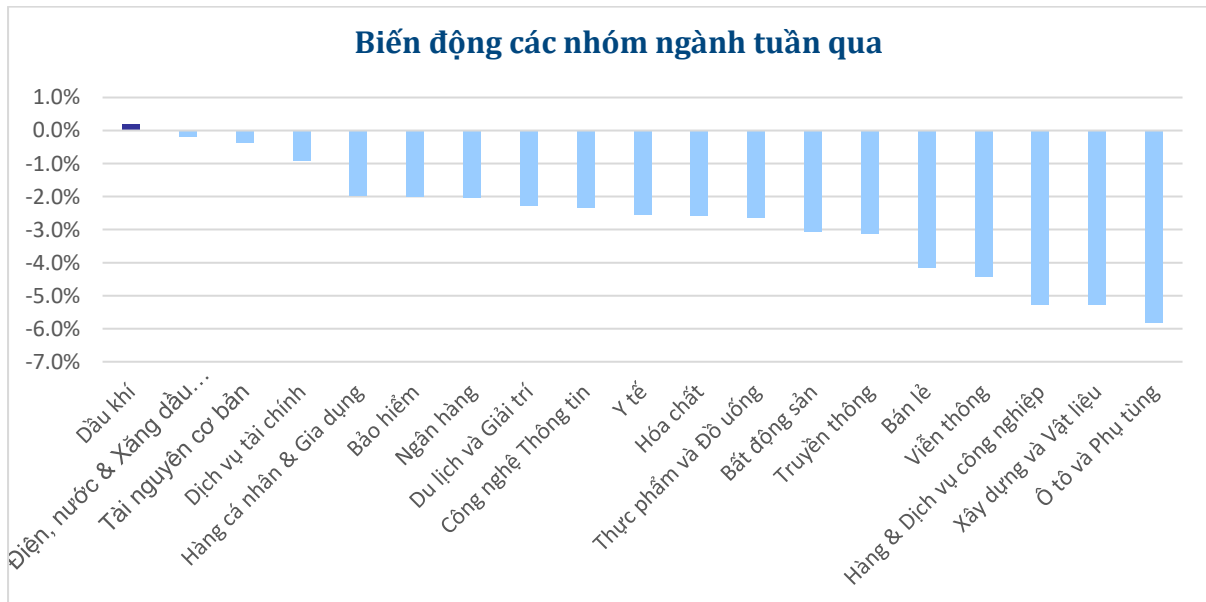


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA

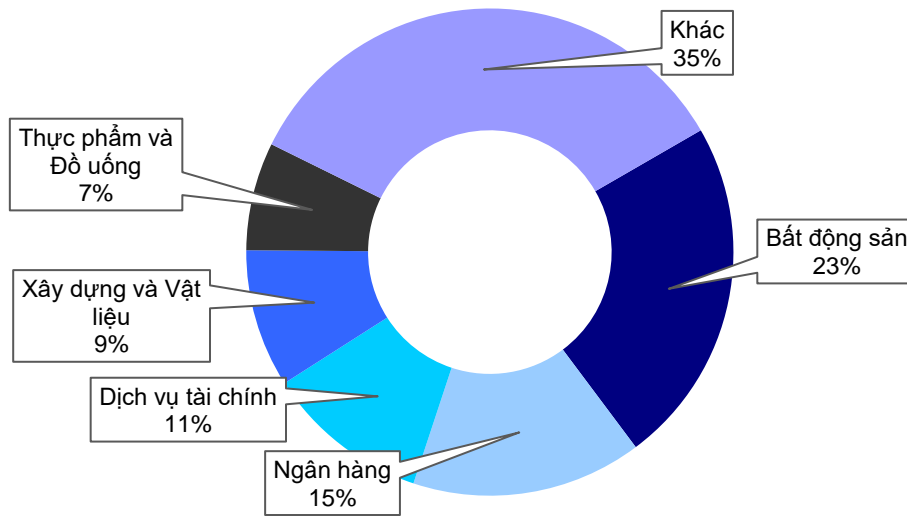


Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
GEX	29.7	GEX	1,126.5	SP2	11.68x	AAS	16.8%	IDC	-19.5%
FLC	28.3	VPB	1,083.8	NAG	3.66x	QBS	13.4%	ROS	-18.2%
VPB	27.4	HPG	768.5	DVN	3.54x	SP2	12.4%	JVC	-17.1%
ROS	22.5	VND	735.4	EVE	3.47x	VND	10.7%	BFC	-16.8%
VND	21.0	DIG	657.9	VGI	3.13x	TSC	10.3%	HQC	-16.8%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN



Đóng góp thanh khoản trong tuần

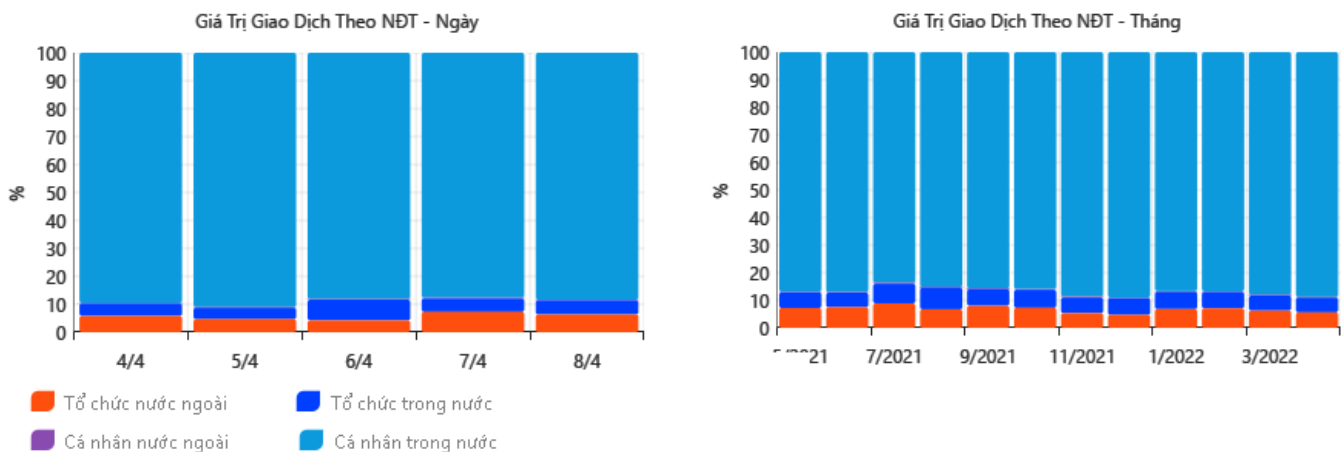


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

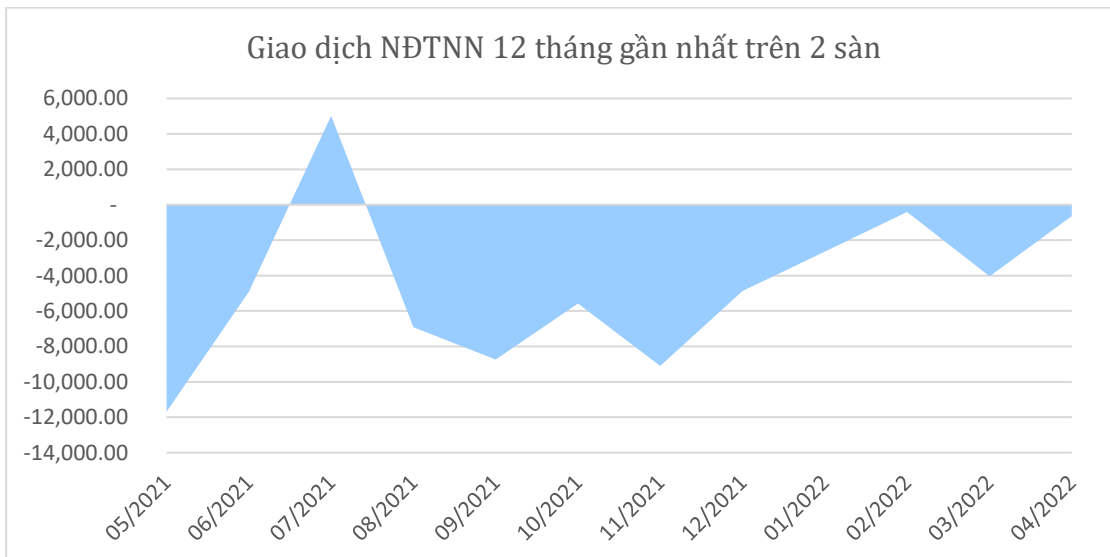
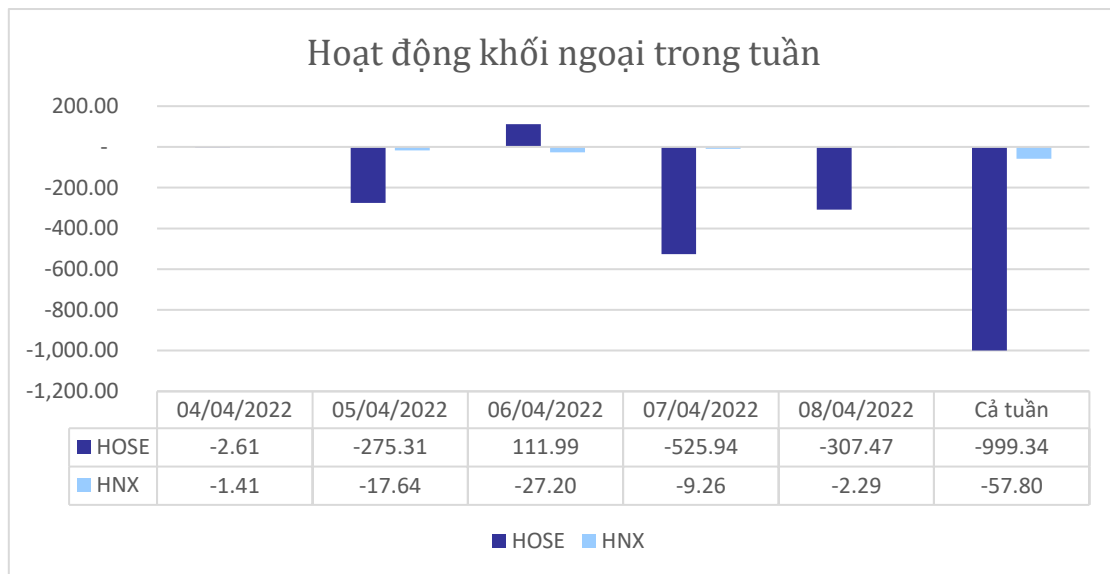
Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
GEX	-13.36%	10,988.7	MWG	-3.85%	2,264.8
VPB	0.52%	9,873.0	FPT	-2.25%	1,815.3
VND	10.73%	6,963.3	HPG	1.53%	1,654.1
HPG	1.53%	6,538.7	VHM	-1.44%	1,161.6
DIG	-14.17%	6,229.2	E1FVN30	0.00%	1,055.0

Tỷ trọng giao dịch



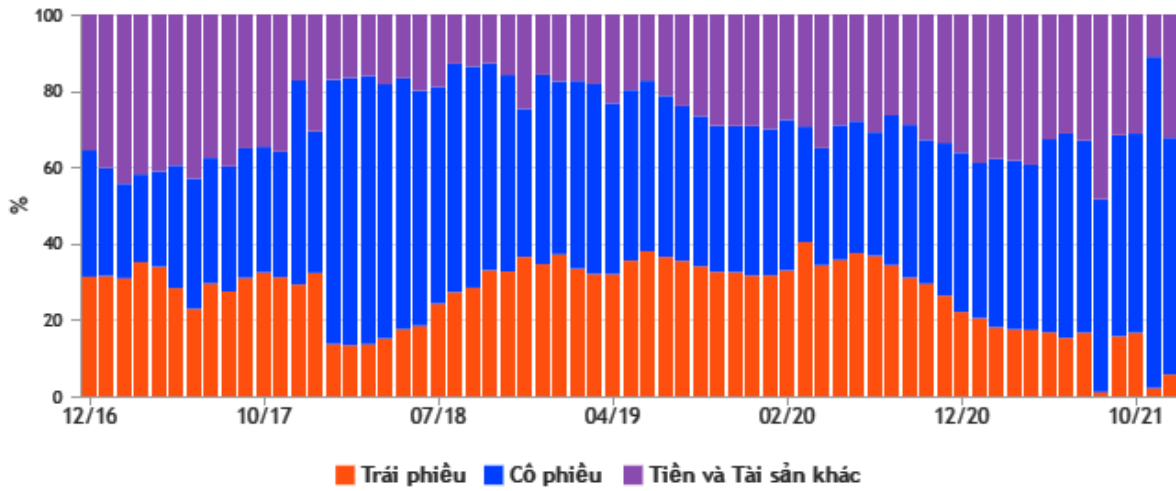
KHỐI NGOẠI

Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
NVL	3.39%	135.46	VHM	-1.44%	291.55
FUEVFNVD	-0.90%	125.55	HPG	1.53%	223.22
MSN	1.37%	119.66	E1VFN30	0.00%	140.88
VNM	-5.39%	117.50	VIC	-0.49%	124.12
DXG	-13.98%	102.57	PVD	-6.61%	110.14

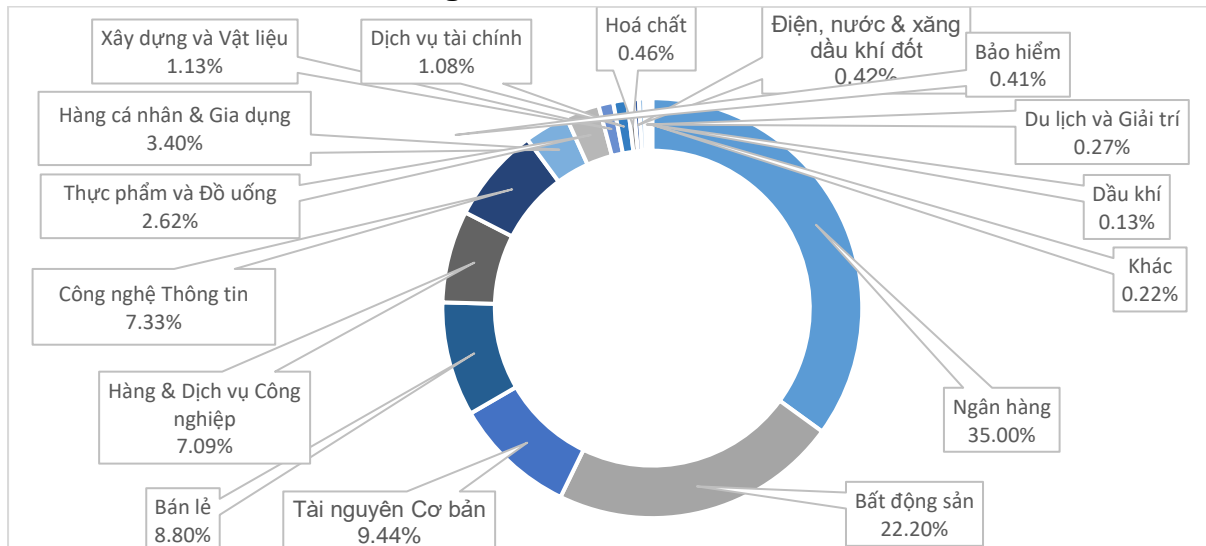


TỔ CHỨC (do finrpo platform theo dõi)

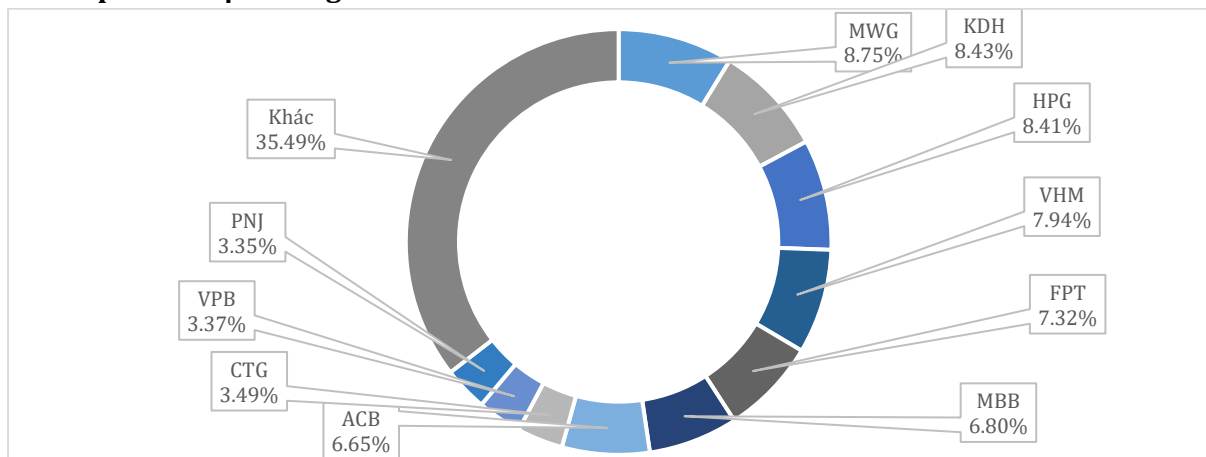
Phân bổ tài sản



Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất



LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIẾN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
EVF	HSX	Niêm yết bổ sung 19.779.330 cp		12/04/22	12/04/22
ABB	Upcom	Giao dịch 243.947.229 cổ phiếu niêm yết bổ sung	12/04/22	12/04/22	12/04/22
VW3	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	12/04/22	13/04/22	12/04/22
SID	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	12/04/22	13/04/22	12/04/22
PHR	HSX	ĐHCD thường niên năm 2022	12/04/22	13/04/22	18/05/22
DID	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	12/04/22	13/04/22	12/04/22
SVL	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	12/04/22	12/04/22	12/04/22
SON	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	12/04/22	12/04/22	12/04/22
MSN	HSX	phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 5:1)	12/04/22	13/04/22	12/04/22
DC1	Upcom	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10:3)	12/04/22	13/04/22	12/04/22
SCA	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	12/04/22	13/04/22	12/04/22
TVB	HSX	Bán ưu đãi (tỷ lệ 1:1)	13/04/22	14/04/22	13/04/22
PAP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	13/04/22	14/04/22	13/04/22
SIG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	13/04/22	14/04/22	13/04/22
CC1	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	13/04/22	14/04/22	13/04/22
BBC	HSX	ĐHCD thường niên năm 2022	13/04/22	14/04/22	12/05/22
ACG	Upcom	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 50%)	13/04/22	14/04/22	13/04/22
DTH	Upcom	Giao dịch 7.471.614 cổ phiếu đăng ký giao dịch	13/04/22	13/04/22	13/04/22
BTT	HSX	ĐHCD thường niên năm 2022	13/04/22	14/04/22	12/05/22
GTH	Upcom	ĐHCD thường niên năm 2022, trả cổ tức bằng tiền mặt (300đ/cp)	13/04/22	14/04/22	10/05/22
BLT	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	13/04/22	14/04/22	13/04/22
HIG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	13/04/22	14/04/22	13/04/22
DXL	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	13/04/22	14/04/22	13/04/22
SJS	HSX	ĐHCD thường niên năm 2022	13/04/22	14/04/22	13/04/22
HAP	HSX	ĐHCD thường niên năm 2022	13/04/22	14/04/22	13/04/22
ASP	HSX	ĐHCD thường niên năm 2022	13/04/22	14/04/22	13/04/22
TAN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	13/04/22	14/04/22	13/04/22
VNA	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/04/22	15/04/22	14/04/22
VE3	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/04/22	15/04/22	14/04/22
TNH	HSX	ĐHCD thường niên năm 2022	14/04/22	15/04/22	20/05/22
SHS	HNX	Bán ưu đãi (tỷ lệ 1:1)	14/04/22	15/04/22	14/04/22
HPM	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/04/22	15/04/22	14/04/22
KIP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/04/22	15/04/22	14/04/22
YEG	HSX	ĐHCD thường niên năm 2022	14/04/22	15/04/22	17/05/22
DTV	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500đ/cp)	14/04/22	15/04/22	27/04/22
PTO	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/04/22	15/04/22	14/04/22
PHH	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/04/22	15/04/22	14/04/22
TVG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/04/22	15/04/22	14/04/22
SAC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/04/22	15/04/22	14/04/22
HJS	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	14/04/22	15/04/22	27/04/22

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
NHH	HSX	Bán ưu đãi (tỷ lệ 1:1)	14/04/22	15/04/22	14/04/22
CCA	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/04/22	15/04/22	14/04/22
SIP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/04/22	15/04/22	14/04/22
VNB	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	14/04/22	15/04/22	14/04/22
X77	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	15/04/22	18/04/22	15/04/22
MTB	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022	15/04/22	18/04/22	15/04/22
NGC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	15/04/22	18/04/22	15/04/22
CLC	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022	15/04/22	18/04/22	26/05/22
HAS	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2021	15/04/22	18/04/22	15/04/22
PSH	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	15/04/22	18/04/22	15/04/22
TSD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	15/04/22	18/04/22	15/04/22
ACL	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022			15/04/22
PVL	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	15/04/22	18/04/22	15/04/22
LCS	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	15/04/22	18/04/22	15/04/22
AMS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	15/04/22	18/04/22	15/04/22
ACG	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	15/04/22	18/04/22	15/04/22
PNP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2021	15/04/22	18/04/22	15/04/22
GTD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	15/04/22	18/04/22	15/04/22
PVX	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	15/04/22	18/04/22	15/04/22
PWA	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	15/04/22	18/04/22	15/04/22
DGW	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm 2022			16/04/22



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: VN – Index.

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: VN – Index

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	701
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	702
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungth@gtjas.com.vn	703
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	222
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	704
Trần Thị Diệu Khánh	Trợ lý Phân tích	Biên – Phiên dịch	khanhttd@gtjas.com.vn	705

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: info@gtjas.com.vn Website: www.gtjai.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696